

Ngày 9 tháng 9 năm 2026

Luật Dầu khí năm 2026 được thông qua kỳ vọng đưa ngành dầu khí vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn

Quốc hội khóa XVI vừa thông qua Luật Dầu khí ngày 23/8/2026 (Luật số 10/2026/QH16), có hiệu lực từ ngày 1/3/2027, đã đánh dấu một bước tiến quan trọng đối với khuôn khổ pháp lý của ngành Dầu khí Việt Nam. Dựa trên cơ sở 5 nhóm chính sách lớn được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 3/4/2026, Luật Dầu khí mới được xây dựng kế thừa những quy định của Luật Dầu khí năm 2022, đồng thời tập trung xử lý những vấn đề đã bộc lộ trong quá trình triển khai thực tế và bổ sung những nội dung mà sự phát triển mới của ngành đang đặt ra.

Luật mới tháo gỡ những điểm nghẽn hiện tại và mở rộng không gian phát triển cho ngành dầu khí, không còn đơn thuần là dầu khí truyền thống mà là lĩnh vực công nghiệp năng lượng biển rộng lớn hơn, thông qua phân cấp, phân quyền, cơ chế ưu đãi cho các mỏ có điều kiện đặc thù, phát triển dịch vụ kỹ thuật cao, dự án năng lượng ngoài khơi và bước đầu hình thành khung pháp lý cho thu giữ và lưu trữ CO₂ (CCS).

Ngành dầu khí đang trong giai đoạn đẩy mạnh đầu tư phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong phân khúc thượng nguồn như Lô B – Ô Môn, Lạc Đà Vàng, Sư Tử Trắng 2B và các dự án tiềm năng như Nam Du – U Minh, Cá Voi Xanh, Hải Sư Vàng... bên cạnh đó là các dự án trung và hạ nguồn về khí LNG, lọc hóa dầu cũng sẽ được đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 tới đây. Việc phân cấp, phân quyền mạnh cho PVN theo Luật Dầu khí mới kỳ vọng sẽ đẩy nhanh quá trình thẩm định, phê duyệt và thực hiện đầu tư dự án.

Theo báo cáo của Viện Dầu khí Việt Nam, trữ lượng dầu khí của Việt Nam đã xác định là khoảng 1.400 triệu tấn quy dầu, nếu tính cả tiềm năng cần chứng minh, là khoảng 3.000-4.200 triệu tấn quy dầu, sản lượng khai thác/trữ lượng tiềm năng là 36% với dầu và 16% với khí tự nhiên. Như vậy, có thể thấy tiềm năng dầu khí của Việt Nam là còn khá lớn.

Trong khi đó, lĩnh vực năng lượng mới như sản xuất điện gió trên biển, thu giữ và lưu trữ Carbon cũng tạo ra dư địa phát triển rất lớn đối với các doanh nghiệp ngành dầu khí. Theo Quy hoạch điện 8 điều chỉnh, quy mô điện gió trên biển đến năm 2030 là khoảng 6 GW, đến năm 2035 là khoảng 17 GW (chưa bao gồm dự án điện gió trên biển xuất khẩu và dùng cho sản xuất năng lượng mới).

Chúng tôi đánh giá, cùng với các Nghị quyết, Nghị định đã được Trung ương, Chính phủ ban hành trong năm 2025 cho lĩnh vực dầu khí nói riêng và năng lượng nói chung, Luật Dầu khí mới năm 2026 được ban hành sẽ tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho ngành phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới.

Các doanh nghiệp thượng nguồn dầu khí được đánh giá là có mức độ hưởng lợi lớn nhất như PVS, PVD, trong khi các doanh nghiệp trung và hạ nguồn được hưởng lợi gián tiếp và có độ trễ khi các dự án thượng nguồn tạo ra sản phẩm dầu thô (BSR), khí và condensate (GAS). Với các dự án năng lượng tái tạo mới, các doanh nghiệp có năng lực chế tạo cơ khí dầu khí trên biển, cung cấp các dịch vụ khoan, thu giữ, lưu trữ carbon sẽ được hưởng lợi lớn nhất như (PVS, PVD).

1. Đánh giá những nội dung, vấn đề của Luật Dầu khí mới tác động đến ngành và doanh nghiệp dầu khí:

STT	Nhóm vấn đề	Chương / Điều	Nội dung chính	Tác động ngành / doanh nghiệp hưởng lợi
1	Đơn giản hóa thủ tục, phân cấp/phân quyền	Chương III – Lựa chọn nhà thầu ký hợp đồng dầu khí: Điều 17. Chương IV – Hợp đồng dầu khí: Điều 18. Chương V – Hoạt động dầu khí: Điều 35–37.	Tăng thẩm quyền và trách nhiệm của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam trong lựa chọn nhà thầu và phê duyệt các kế hoạch phát triển/khai thác mỏ; đồng thời đơn giản hóa một số bước thủ tục. Đáng chú ý, kế hoạch đại cương phát triển mỏ, kế hoạch khai thác sớm và kế hoạch phát triển mỏ do Tập đoàn thẩm định, phê duyệt.	Tác động đến ngành: Khởi thông các dự án chậm thủ tục, rút ngắn thời gian từ phát hiện dầu khí (discovery) → Thẩm lượng (appraisal)/phát triển mỏ (development) → FID → triển khai thực hiện (execution), đặc biệt với dự án ngoài khơi (offshore) phức tạp. Doanh nghiệp hưởng lợi: PVS/PVD: rất tích cực. GAS: tích cực.
2	Hoàn thiện hợp đồng và hoạt động dầu khí	Chương IV – Hợp đồng dầu khí: Điều 19–30.	Hoàn thiện cơ chế về loại hợp đồng, thời hạn, diện tích và hoàn trả diện tích, điều chỉnh cam kết công việc, thu hồi chi phí, chấm dứt hợp đồng, chuyển nhượng quyền lợi, tranh chấp, văn phòng điều hành, quyền tham gia/ưu tiên mua trước và cơ chế tiếp nhận mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí.	Tác động đến ngành: Tăng tính ổn định và khả năng dự báo của môi trường đầu tư; hỗ trợ các hợp đồng dầu khí (PSC) mới, gia hạn PSC và phát triển các phát hiện dầu khí còn đang bị treo. Doanh nghiệp hưởng lợi: PVS/PVD/GAS: tích cực.
3	Ưu đãi đầu tư và tài nguyên khó	Chương VII – Ưu đãi trong hoạt động dầu khí và chính sách khai thác tài nguyên đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khai thác tận thu: Điều 41–45.	Mở rộng/hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với mỏ, mỏ có điều kiện khó khăn như nước sâu, xa bờ, địa chất phức tạp; mỏ cận biên; đồng thời có cơ chế cho nâng cao hệ số thu hồi và khai thác tận thu.	Tác động đến ngành: Mở rộng nguồn tài nguyên có thể thương mại hóa, kéo dài vòng đời mỏ và tăng nhu cầu dịch vụ khoan, xây dựng dự án mới (EPCI), cải tạo mở rộng dự án công trình hiện hữu (brownfield), hạ tầng khí/dầu. Doanh nghiệp hưởng lợi: PVD/PVS: hưởng lợi trực tiếp; GAS/BSR: hưởng lợi theo nguồn khí/dầu.
4	Giảm phát thải, thu giữ và lưu trữ carbon (CCS/CCUS) và tái sử dụng hạ tầng	Chương VIII – Quy định khung về hoạt động thu giữ và lưu trữ carbon (CCS) gắn với hoạt động dầu khí: Điều 48–51.	Tạo khung pháp lý cho CCS gắn với hoạt động dầu khí; khuyến khích đầu tư/nghiên cứu/triển khai, chia sẻ dữ liệu, tận dụng công trình dầu khí hiện hữu và thành tạo địa chất phù hợp để lưu trữ CO ₂ ; quy định trình tự triển khai và cơ chế tài chính cho hoạt động CCS gắn với hoạt động dầu khí.	Tác động đến ngành: Mở thị trường dịch vụ carbon và khả năng tái sử dụng mỏ, công trình, đường ống và hạ tầng dầu khí sau khai thác; dài hạn có thể hình thành chuỗi capture → transport → injection → storage. PVS: dài hạn rất tích cực; Doanh nghiệp hưởng lợi: PVN/PVEP: vai trò phát triển hệ sinh thái CCS. PVD/GAS: cơ hội bổ sung;
5	Phát triển năng lượng ngoài khơi và dịch vụ kỹ thuật dầu khí công nghệ cao	Chương VIII – Điều 52. Chương IX – Điều 53.	Luật mở rộng không gian phát triển của ngành dầu khí sang chuỗi giá trị năng lượng ngoài khơi, bao gồm các dự án năng lượng ngoài khơi gắn với hoạt động dầu khí và các dự án năng lượng ngoài khơi độc lập theo quy định của pháp luật liên quan. Nhà thầu dầu khí có thể nghiên cứu, triển khai dự án năng lượng ngoài khơi trong diện tích hợp đồng dầu khí, tận dụng công trình dầu khí hiện hữu hoặc kết hợp với công trình dầu khí mới. Đồng thời, Luật tạo cơ sở để phát triển các dự án năng lượng ngoài khơi độc lập, phù hợp với quy hoạch và các quy định pháp luật liên quan. Bên cạnh đó, Luật khuyến khích phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các dịch vụ kỹ thuật dầu khí công nghệ cao, đồng thời	Tác động đến ngành: Mở rộng đáng kể tổng thị trường có thể tiếp cận (Total Addressable Market – TAM) của các doanh nghiệp dầu khí trong dài hạn, từ các hoạt động O&G truyền thống sang các dự án năng lượng ngoài khơi, bao gồm điện gió ngoài khơi và các dự án sản xuất năng lượng mới. Điều này tạo dư địa tái sử dụng năng lực EPC/EPIC, chế tạo (fabrication), logistics hàng hải (marine logistics), khảo sát, lắp đặt và hạ tầng ngoài khơi. Doanh nghiệp hưởng lợi: PVN/PVEP: vai trò dẫn dắt, tham gia phát triển chuỗi giá trị năng lượng ngoài khơi. PVS: hưởng lợi trực tiếp nhờ năng lực EPC/EPIC, chế tạo và dịch vụ kỹ thuật

			có cơ chế ưu đãi liên quan đến máy móc, thiết bị, vật tư chuyên dụng phục vụ hoạt động này.	ngoài khơi. PVD: hưởng lợi hỗ trợ từ năng lực khoan và dịch vụ kỹ thuật dầu khí.
--	--	--	---	--

Nguồn: Quốc hội Việt Nam, VPBankS Research

2. Tiềm năng, trữ lượng dầu khí của Việt Nam

Theo số liệu của Viện Dầu khí Việt Nam, tính đến cuối năm 2020, Việt Nam đã xác định được trữ lượng dầu khí tới trên 1,4 tỷ tấn quy dầu và đã nghiên cứu đánh giá tiềm năng còn lại là 1,6 - 2,8 tỷ tấn quy dầu. Tỷ lệ khai thác trữ lượng dầu khí tính đến nay mới đạt 38%, đặc biệt, tỷ lệ khai thác/trữ lượng khí mới đạt 16%.

Chỉ tiêu	Trữ lượng / tiềm năng	Đơn vị
Trữ lượng dầu khí của các phát hiện đã xác định	>1.400	Triệu tấn quy dầu
Tiềm năng dầu khí còn lại	1.600–2.800	Triệu tấn quy dầu
Tổng trữ lượng đã xác định + tiềm năng còn lại*	~3.000–4.200	Triệu tấn quy dầu
Khai thác cộng dồn dầu thô đến 2025	455	Triệu tấn
Khai thác cộng dồn khí đến 2025	197	Tỷ m ³
Tỷ lệ khai thác/ trữ lượng dầu khí	~38%	%
Tỷ lệ khai thác trữ lượng khí	~16%	%

Nguồn: Viện Dầu khí Việt Nam, VPBankS Research

Trong khi đó, số liệu của BMI và EIA, trữ lượng dầu khí đã xác định của Việt Nam đến năm 2025 còn khoảng 4.146 triệu thùng dầu thô và 669 tỷ m³ khí tự nhiên. Tuy vậy, các mỏ dầu và khí của Việt Nam còn lại có điều kiện khai thác khó khăn hơn do quy mô nhỏ, cận biên, ở vùng nước sâu, điều kiện địa chất khó khăn, chi phí khai thác lớn.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015A	2020A	2024A	2025A	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Dầu thô										
Trữ lượng dầu	Triệu thùng	4.400	4.323	4.208	4.146	4.175	4.202	4.228	4.253	4.277
Tăng trưởng trữ lượng	%	0%	-1,80%	-1,5%	-1,5%	0,7%	0,7%	0,6%	0,6%	0,6%
Sản lượng khai thác dầu	Triệu thùng	128,5	75,6	59,2	59,9	62,9	64,1	65,4	66,7	68,1
Khai thác/trữ lượng (P/R)	Năm	34,2	57,2	71,0	69,2	66,4	65,5	64,6	63,7	62,8
Gia tăng trữ lượng	Triệu thùng	296,9	110,0	111,4	106,3	91,6	91,6	91,6	91,6	91,6
Khí tự nhiên										
Trữ lượng khí	Tỷ m ³	710	708	677	669	663	656	649	641	631
Tăng trưởng trữ lượng	%	0%	-1,70%	-1,10%	-1,20%	-0,9%	-1,0%	-1,1%	-1,3%	-1,6%
Sản lượng khai thác khí	Tỷ m ³	10,7	9,2	6,3	6,0	6,2	6,4	7,0	8,6	10,3
Khai thác/trữ lượng (P/R)	Năm	66,4	77,0	107,1	112,5	106,9	102,4	92,2	74,9	61,1

Nguồn: BMI, EIA, VPBankS Research

Nhìn chung, Việt Nam vẫn còn tiềm năng dầu khí khá lớn. Cùng với những tiến bộ về công nghệ thăm dò, khai thác dầu khí trên thế giới và các chính sách ưu đãi đầu tư mới, hoạt động thăm dò, tìm kiếm và khai thác dầu khí của Việt Nam được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

3. Hoạt động thăm dò tìm kiếm và khai thác thượng nguồn dầu khí những năm qua

Các hoạt động dầu khí thượng nguồn trong nước giai đoạn 2016–2022 đã bị ảnh hưởng của biến động giá dầu suy giảm sâu trong năm 2015–2016 và dịch COVID-19 năm 2020–2022 (có lúc đưa giá dầu về âm). Đầu tư thượng nguồn bị giảm sút, hệ số gia tăng trữ lượng giảm từ mức 1,6 lần giai đoạn 2010–2015 về mức 0,5–0,7 lần giai đoạn 2016–2022.

Giai đoạn từ 2023 đến nay, cùng với các chính sách luật pháp mới (Luật Dầu khí 2022), đầu tư ngành dầu khí tăng mạnh trở lại, đặc biệt trong phân khúc thượng nguồn. Hệ số gia tăng trữ lượng tăng trở lại mức 1,1 – 1,2 lần trong năm 2024 – 2025. Khai thác dầu thô sau nhiều năm suy giảm liên tục, đã có mức hồi phục nhẹ 0,8% trong năm 2025 và 13,1% trong 6 tháng đầu năm 2026, khai thác khí tự nhiên cũng tăng 6,1% trong 6 tháng đầu năm 2026, đây là tín hiệu tốt, hứa hẹn sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong giai đoạn tới.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện						
			2015	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Khoan thăm dò và khai thác								
1	Số giếng khoan thăm dò-thăm lượng		NA	13	8	9	8	11	11
2	Số giếng khoan khai thác	Giếng					36	42	40
3	Tổng	Giếng	NA	13	8	9	44	53	51
II	Phát hiện dầu khí mới	Phát hiện/mỏ		1	1	0	2	3	NA
III	Gia tăng trữ lượng dầu khí								
1	<i>Trong nước</i>	<i>Triệu tấn quy dầu</i>	<i>40,5</i>	<i>15,0</i>	<i>13,5</i>	<i>14,8</i>	<i>13,0</i>	<i>14,5</i>	<i>14,5</i>
2	<i>Nước ngoài</i>	<i>Triệu tấn quy dầu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,7</i>	<i>2,2</i>	<i>-</i>	<i>0,7</i>	<i>NA</i>
3	Tổng	Triệu tấn quy dầu	40,5	15,0	14,2	17,0	13,0	15,2	14,5
IV	Khai thác dầu khí								
1	Khai thác dầu	Triệu tấn	16,9	11,5	11,0	10,8	10,4	9,9	10,0
	- Trong nước	Triệu tấn	16,9	9,7	9,1	9,0	8,6	8,1	8,2
	- Nước ngoài	Triệu tấn		1,8	1,9	1,9	1,8	1,8	1,8
2	Khai thác khí tự nhiên	tỷ m3	10,7	9,0	7,2	8,0	7,5	6,3	6,0
3	Tổng khai thác dầu khí	Triệu tấn quy dầu	27,6	18,8	16,5	17,1	16,1	13,6	16,0
IV	Hệ số gia tăng trữ lượng	Lần	1,47	0,80	0,82	0,87	0,81	1,07	1,16
V	Giá trị đầu tư								
1	Đầu tư toàn ngành (PVN)	Nghìn tỷ VND	72,0	27,3	16,7	25,6	39,1	35,7	51,4
2	Đầu tư thượng nguồn (PVEP)	Nghìn tỷ VND	18,0	4,3	3,3	4,8	5,0	11,0	18,0

Nguồn: PVN, PVEP, VPBankS Research

Trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) và Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), các dự án lớn của ngành dầu khí sẽ tiếp tục được đẩy mạnh gia tăng đầu tư trong thời gian tới.

Với PVEP, giá trị đầu tư cho phân khúc thượng nguồn (E&P) trong giai đoạn 2026-2030 dự kiến ở mức 175.000 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần giai đoạn 2021-2025 sẽ tạo ra khối lượng công việc rất lớn cho nhóm dịch vụ thượng nguồn.

4. Bảng tổng hợp các lô/mỏ/ dự án dầu khí cơ bản tại Việt Nam và cơ hội gia tăng hoạt động đầu tư trong giai đoạn mới

STT	Lô/Hợp đồng phân chia sản phẩm	Bể	Mỏ / dự án	Trạng thái	Điểm chính cập nhật	DN hưởng lợi	Mức độ ảnh hưởng
I. Những dự án kỳ vọng sớm chấp thuận đầu tư							
1	46/07 và 51	Malay – Thổ Chu	Nam Du – U Minh	Phát triển / Chuẩn bị phát triển	Kế hoạch phát triển mỏ được phê duyệt 3/2026; kết nối với hạ tầng PM3 CAA	PVS/PVD/GAS	Cao trong trung hạn
2	117-119	Nam Côn Sơn	Cá Voi Xanh	Chuẩn bị phát triển / tái khởi động	Petrovietnam cho biết đang cơ bản xác định nhà đầu tư mới, phấn đấu tái khởi động Q4/2026	PVS/PVD/GAS/POW	Rất cao trong trung và dài hạn
3	15-2/17	Cửu Long	Hải Sư Vàng	Thăm dò/thăm lường	Murphy Oil đang trong quá trình khoan, đánh giá thăm lường	PVS/PVD/BSR	Rất cao trong trung hạn
4	112/113	Sông Hồng	Báo Vàng	Phát hiện / Chuẩn bị phát triển	Phát hiện khí; cần tiếp tục hoàn thiện phương án phát triển	PVS/PVD/GAS	Cao trong dài hạn
5	114	Sông Hồng	Kèn Bầu	Phát hiện / Chuẩn bị phát triển	Phát hiện lớn; triển vọng dài hạn nhưng cần cơ chế và phương án tiêu thụ khí	PVS/PVD/GAS	Rất cao trong dài hạn
6	12/11	Nam Côn Sơn	Thiên Nga – Hải Âu	Chuẩn bị phát triển/Phát triển	Được thúc đẩy để đưa vào khai thác sớm	PVS/PVD/GAS	Cao
7	103 & 107	Sông Hồng	Kỳ Lân	Chuẩn bị phát triển	Đã có biên bản ghi nhớ cung cấp/tiêu thụ khí với PV GAS	PVS/PVD/GAS	Cao
8	10/11 và 10&11-1	Nam Côn Sơn	Lô 10/11	Thăm dò / Hợp đồng phân chia sản phẩm mới	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới ký T6/2026	PVD/PVS	Cao trong dài hạn
II. Những dự án đang được thực hiện đầu tư phát triển mỏ							
9	15-1/05	Cửu Long	Lạc Đà Vàng	Phát triển → dòng dầu đầu tiên 10/2026	Dự án đang trong tiến độ thực hiện đầu tư khai thác, giàn trung tâm, FSO Lạc Đà Vàng đã được hạ thủy và lắp đặt	PVS/PVD/BSR	Rất cao
10	48/95 & 52/97	Malay – Thổ Chu	Cụm khí Lô B – Ô Môn	Phát triển	Chuỗi khai thác – đường ống – điện; mục tiêu đưa khí đầu tiên vào khai thác năm 2027	PVS/PVD/GAS/POW	Rất cao
11	15-1	Cửu Long	Sư Tử Trắng 2B	Phát triển	Hợp đồng mua bán khí ký 6/2026; khí đầu tiên dự kiến cuối 2027; công suất mục tiêu ~1,2 tỷ m³/năm. (tháng 6.2026 đã đưa vào khai thác sớm giếng ST-9P, dự kiến có 2 giếng đến cuối năm 2026)	PVS/PVD/GAS	Rất cao
12	46/13	Malay – Thổ Chu	Khánh Mỹ – Đầm Dơi	Đang phát triển	Khởi công dự án vào cuối T7/2026 với quy mô 2 giàn đầu giếng, giá trị đầu tư khoảng 350 triệu USD, sản phẩm khí sẽ được đầu nối vào hạ tầng khí PM3-Cà Mau	PVS/PVD/GAS	Cao

13	09-1	Cầu Long	RC-12 / BK-26	Phát triển / triển khai sớm	Petrovietnam đặt mục tiêu đưa các công trình vào khai thác sớm trong 2026	PVD/PVS	Cao
III. Những dự án đang khai thác, triển vọng mở rộng phát triển							
14	09-2/09	Cầu Long	Kinh Ngư Trắng – Kinh Ngư Trắng Nam	Khai thác + Phát triển	Dự án đã đi vào hoạt động từ T7/2025	PVD/PVS	Trung bình
15	15-1	Cầu Long	Sư Tử Đen/Vàng/Trắng...	Khai thác + Phát triển	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới 2025; Sư Tử Trắng 2B là động lực mới	PVS/PVD/GAS	Cao
16	15-2	Cầu Long	Rạng Đông – Phương Đông	Khai thác + Gia hạn	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới 31/3/2025, thời hạn 25 năm	PVS/PVD/BSR	Cao
17	01/97 & 02/97	Cầu Long	Thăng Long – Đồng Đô	Khai thác + Gia hạn	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới 2025; PVEP 100% quyền lợi và điều hành	PVS/PVD	Cao
18	09-1	Cầu Long	Bạch Hổ – Rồng	Khai thác / mở trường thành	Mở chủ lực, nhu cầu tối ưu và phát triển trên hạ tầng hiện hữu	PVD/PVS/BSR	Cao
19	09-2/09	Cầu Long	Cá Ngừ Vàng	Khai thác / mở trường thành	Duy trì khai thác, sửa chữa giếng và khoan bổ sung	PVD/PVS	Trung bình
20	09-3/12	Cầu Long	Cá Tầm	Khai thác	Đang khai thác; cần tối ưu sản lượng	PVD/PVS	Trung bình
21	16-1	Cầu Long	Tê Giác Trắng	Khai thác / mở trường thành	Nguồn dầu nội địa; BSR từng ký hợp đồng mua dầu 2024–2026	PVD/PVS/BSR	Trung bình
22	05.1(a)	Nam Côn Sơn	Đại Hùng	Khai thác + Phát triển	Đại Hùng pha 3 đã đưa vào khai thác; tiếp tục tối ưu	PVD/PVS/BSR	Trung bình
23	11-2	Nam Côn Sơn	Rồng Đồi – Rồng Đồi Tây	Khai thác	Khí/condensate; mở trường thành	PVD/PVS/GAS	Trung bình
24	12W	Nam Côn Sơn	Chim Sáo – Dừa	Khai thác + Gia hạn	Hợp đồng phân chia sản phẩm được gia hạn; duy trì hoạt động đến sau 2030	PVD/PVS	Trung bình
25	06.1	Nam Côn Sơn	Lan Tây – Lan Đỏ	Khai thác / mở trường thành	Nguồn khí quan trọng cho Đồng Nam Bộ	PVD/PVS/GAS	Cao
26	PM3 CAA & 46CN	Malay – Thổ Chu	PM3 CAA / 46CN	Khai thác + Gia hạn	Cụm khí đang khai thác; nền tảng cho Nam Du–U Minh	GAS/PVS/PVD	Cao
27	15-2	Cầu Long	Rạng Đông – Phương Đông/thăm dò	Gia hạn + Thăm dò	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới mở lại dự địa thăm dò/tối ưu	PVD/PVS	Trung bình
28	01/97 & 02/97	Cầu Long	Thăm dò bổ sung	Gia hạn + Thăm dò	Hợp đồng phân chia sản phẩm mới tạo cơ sở tiếp tục tìm kiếm/thăm dò	PVD/PVS	Trung bình

Nguồn: Bộ Công Thương, PVN, PVEP, VPBankS Research

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS) phát hành báo cáo này với mục đích cung cấp thông tin. Báo cáo này được lưu hành tới các khách hàng của VPBankS và các công ty liên kết hoặc các đối tượng mà VPBankS cho rằng phù hợp để nhận báo cáo, và không xét đến mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hay nhu cầu riêng biệt của bất kỳ cá nhân nào nhận được báo cáo này.

Báo cáo này không nhằm mục đích và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được hiểu là lời đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong đây hoặc các công cụ tài chính liên quan. Báo cáo cũng có thể bao gồm, toàn bộ hoặc một phần, các bản tóm tắt, nghiên cứu, tổng hợp, trích xuất hoặc phân tích được chuẩn bị bởi các đối tác chiến lược, liên doanh và/hoặc đối tác kinh doanh của VPBankS.

VPBankS không cam kết hay đảm bảo (dù rõ ràng hay ngụ ý) về tính chính xác hoặc đầy đủ của các thông tin này, và do đó, nhà đầu tư cần tự đưa ra quyết định sau khi cân nhắc kỹ lưỡng. Báo cáo này không nhằm hướng tới, phân phối hoặc sử dụng bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào tại các khu vực, quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà việc phát hành, phân phối, hoặc sử dụng báo cáo sẽ vi phạm quy định pháp luật hiện hành.

Mọi thông tin trong báo cáo này được tổng hợp từ các nguồn công khai mà VPBankS tin tưởng là đáng tin cậy và chính xác tại thời điểm phát hành báo cáo. Tuy nhiên, các nguồn này chưa được VPBankS và/hoặc các công ty liên kết kiểm chứng độc lập và báo cáo cũng không khẳng định rằng đã bao gồm tất cả các thông tin mà nhà đầu tư tiềm năng có thể cần. Các quan điểm được thể hiện trong báo cáo là những đánh giá hiện tại của VPBankS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. VPBankS không có nghĩa vụ phải cập nhật hay duy trì sự chính xác của thông tin, quan điểm được nêu trong báo cáo, cũng như không có nghĩa vụ cung cấp thêm bất kỳ thông tin nào cho người nhận.

Do đó, VPBankS không đảm bảo, đại diện hay cam kết, dù rõ ràng hay ngụ ý, về tính đầy đủ, chính xác, tin cậy, công bằng hoặc hợp lý của các thông tin và quan điểm trong báo cáo. Mặc dù đã nỗ lực để các dữ liệu thực tế trong báo cáo là chính xác, mọi ước tính, dự báo, nhận định hoặc đánh giá chủ quan được đưa ra đều dựa trên các giả định được VPBankS xem là hợp lý và không nên được hiểu là cam kết chắc chắn về khả năng xảy ra của các sự kiện được đề cập. Các giả định khác nhau có thể dẫn tới các kết quả và khuyến nghị hoàn toàn khác biệt.

Báo cáo này cũng có thể bao gồm các bình luận, ước tính, dự báo và ý kiến liên quan đến các nghiên cứu kinh tế vĩ mô do các chuyên gia kinh tế của VPBankS công bố, tuy nhiên các nội dung này không nên được xem là khuyến nghị đầu tư hoặc tư vấn đầu tư đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập.

Báo cáo này không mang tính toàn diện và không cung cấp đầy đủ các thông tin mà một nhà đầu tư tiềm năng cần để đưa ra quyết định đầu tư. Người nhận báo cáo cần tự thực hiện đánh giá và quyết định độc lập đối với bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào được đề cập.

Bất kỳ khoản đầu tư nào được thảo luận hoặc khuyến nghị trong báo cáo có thể không phù hợp với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính cụ thể của từng nhà đầu tư.

Báo cáo này có thể chứa các tuyên bố dự báo về tương lai, thường (nhưng không phải luôn luôn) được nhận diện thông qua các từ ngữ như "tin rằng", "ước tính", "dự định", "kỳ vọng" hoặc những diễn đạt tương tự như "có thể", "sẽ", "có khả năng xảy ra". Những tuyên bố này dựa trên các giả định và thông tin sẵn có tại thời điểm báo cáo được phát hành và chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro, bất định cũng như các yếu tố khác có thể khiến kết quả thực tế khác biệt đáng kể so với những dự báo đã nêu.

Người nhận báo cáo cần thận trọng đối với những tuyên bố này và không nên quá tin tưởng vào các dự báo nêu ra. VPBankS từ chối mọi nghĩa vụ cập nhật hoặc điều chỉnh bất kỳ tuyên bố dự báo nào dù do có thông tin mới, sự kiện tương lai hay những tình huống ngoài dự tính phát sinh sau ngày công bố báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 21 và 25, VPBANK Tower, 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: equityresearch@vpbanks.com.vn